

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Nhan
2. Ông Nguyễn Chí Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 168/2021/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Thanh P, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày: Chị và anh Đoàn Thanh P tự nguyện kết hôn trên cơ sở quen biết, tổ chức đám cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện MC (Nay là huyện M), tỉnh B vào ngày 16/9/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bất hòa trong cuộc sống, anh P thường nhậu nhẹt về đánh đập, xua đuổi chị. Vợ chồng cũng có nhiều lần sống ly thân nhau mục đích là để anh P sửa chữa và thay đổi nhưng anh P vẫn không thay đổi nên vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh P có điện thoại kêu chị về nhưng do không

còn tình cảm vợ chồng nữa nên chị không về. Nay chị xin ly hôn với anh Đoàn Thanh P. Về con chung: có 02 con chung tên Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1997 và Đoàn Quang B, sinh năm 2001 cả hai đã trưởng thành. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Bị đơn anh Đoàn Thanh P vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn anh Đoàn Thanh P hiện đang sinh sống tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Đoàn Thanh P, thấy rằng: Về hôn nhân: Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng anh P thường nhậu nhẹt về đánh đập, xua đuổi chị nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Để cho anh P có cơ hội sửa đổi nên chị đã nhiều lần sống ly thân với mục đích là để anh P sửa chữa nhưng anh P vẫn không thay đổi. Nay không còn tình cảm vợ chồng nữa nên chị xin ly hôn với anh P. Như vậy, bản thân anh chị cũng không muốn níu giữ hạnh phúc, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng thể hiện qua việc chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh P, còn anh P vắng mặt vào tất cả những lần Tòa án mời hòa giải cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc chị H xin ly hôn với anh nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân của anh chị đã không thể hàn gắn được vì đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Về con chung: Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1997 và Đoàn Quang B, sinh năm 2001 cả hai đã trưởng thành nên không đề cập. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị H trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Đoàn Thanh P.

Về con chung: Đoàn Thị Thanh N, sinh năm 1997 và Đoàn Quang B, sinh năm 2001 cả hai đã trưởng thành nên không đề cập.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị H trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002273 ngày 11/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, đăng ký kết hôn số 148, quyền số 01, ngày 16/9/2002 (1b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ